



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Đức Trị | Chủ tịch |
| Ông Phạm Văn Tân | Thành viên |
| Bà Trần Tường Anh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình | Thành viên |
| Ông Lê Quốc Ân | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Huệ | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Cách | Thành viên |

Ban điều hành

| | |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Đức Trị | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Hoàng Thùy Oanh | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Tường Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Bình | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Ngọc Trung | Giám đốc điều hành |
| Bà Trần Thị Hòa Châu | Giám đốc điều hành |
| Ông Phan Văn Phước | Giám đốc điều hành |
| Ông Phan Quang Long | Giám đốc điều hành |
| Ông Nguyễn Văn Cường | Giám đốc điều hành (từ 1 tháng 1 năm 2020) |
| | Kế toán trưởng |

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00163-20-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 894.705.391.659 | 1.070.586.598.592 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 16.093.433.378 | 22.653.298.944 |
| Tiền | 111 | | 16.093.433.378 | 22.653.298.944 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 15.283.145.329 | 14.090.680.083 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5(a) | 15.283.145.329 | 14.090.680.083 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 247.466.510.946 | 289.854.156.598 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 198.776.499.124 | 251.912.306.577 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 29.719.519.474 | 35.121.527.455 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 611.200.000 | 652.400.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 23.599.161.137 | 7.407.791.355 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (5.239.868.789) | (5.239.868.789) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 581.752.111.087 | 717.974.779.467 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 582.229.097.240 | 717.974.779.467 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (476.986.153) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 34.110.190.919 | 26.013.683.500 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 13(a) | 8.128.995.064 | 5.977.429.205 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 25.981.195.855 | 20.036.254.295 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 636.701.895.689 | 624.141.066.762 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 4.384.390.930 | 1.596.552.619 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 1.010.200.000 | 514.300.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 3.374.190.930 | 1.082.252.619 |
| Tài sản cố định | 220 | | 492.643.538.690 | 561.673.770.846 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 491.362.742.109 | 559.358.424.700 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.321.349.755.527 | 1.251.335.716.588 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (829.987.013.418) | (691.977.291.888) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 1.280.796.581 | 2.315.346.146 |
| Nguyên giá | 228 | | 9.485.881.773 | 9.406.186.773 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (8.205.085.192) | (7.090.840.627) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 34.574.549.250 | 700.431.824 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 34.574.549.250 | 700.431.824 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 85.152.013.769 | 44.410.493.086 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | 5(b) | 92.748.900.000 | 44.778.900.000 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | 5(b) | 10.428.000.000 | 10.428.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 5(b) | 7.755.702.000 | 7.755.702.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 5(b) | (25.780.588.231) | (19.457.108.914) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 5(a) | - | 905.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 19.947.403.050 | 15.759.818.387 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13(b) | 19.947.403.050 | 15.759.818.387 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.531.407.287.348 | 1.694.727.665.354 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

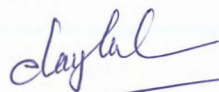
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 1.081.121.891.600 | 1.279.791.263.480 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 830.326.304.679 | 991.303.981.736 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 222.237.728.716 | 225.599.479.955 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 5.873.194.773 | 10.813.414.545 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 7.575.453.664 | 8.270.850.431 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 285.792.259.695 | 240.627.244.930 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 3.885.294.131 | 3.303.815.006 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 14.492.651.302 | 13.463.120.606 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 18(a) | 220.286.814.127 | 435.402.578.503 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 70.182.908.271 | 53.823.477.760 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 250.795.586.921 | 288.487.281.744 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 11.889.559.587 | 15.294.587.874 |
| Vay dài hạn | 338 | 18(b) | 238.906.027.334 | 273.192.693.870 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 450.285.395.748 | 414.936.401.874 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 450.285.395.748 | 414.936.401.874 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 225.000.000.000 | 225.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 225.000.000.000 | 225.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 22 | 110.084.210.730 | 94.980.528.117 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 115.201.185.018 | 94.955.873.757 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | 809.662.261 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 115.201.185.018 | 94.146.211.496 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.531.407.287.348 | 1.694.727.665.354 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:



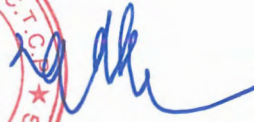
Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng





Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2019 VND | 2018 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 25 | 4.043.727.518.418 | 3.994.644.040.773 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 919.769.881 | 1.190.047.933 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 4.042.807.748.537 | 3.993.453.992.840 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | | 3.732.282.608.293 | 3.686.016.694.583 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 310.525.140.244 | 307.437.298.257 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 26.892.344.573 | 22.921.010.587 |
| Chi phí tài chính | 22 | 27 | 36.918.039.426 | 47.276.289.325 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 24.815.698.008 | 25.458.287.085 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 28 | 72.747.925.144 | 73.238.491.086 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 106.994.590.897 | 111.402.776.735 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 120.756.929.350 | 98.440.751.698 |
| Thu nhập khác | 31 | 30 | 1.763.703.791 | 4.526.762.704 |
| Chi phí khác | 32 | 31 | 1.842.318.031 | 2.655.144.551 |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (78.614.240) | 1.871.618.153 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 120.678.315.110 | 100.312.369.851 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 33 | 5.477.130.092 | 6.166.158.355 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 115.201.185.018 | 94.146.211.496 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Dạ Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2019 VND | 2018 VND |
|---|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 120.678.315.110 | 100.312.369.851 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 144.567.123.738 | 123.875.743.279 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 6.800.465.470 | 4.555.385.267 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (491.235.300) | 6.783.107.905 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (4.524.542.829) | (7.232.339.953) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 24.815.698.008 | 25.458.287.085 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 291.845.824.197 | 253.752.553.434 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 36.316.186.875 | 43.750.636.449 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 135.745.682.227 | (92.513.739.095) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | 32.772.902.263 | 162.337.861.304 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | (4.745.235.716) | 2.410.452.333 |
| | | | 491.935.359.846 | 369.737.764.425 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (25.025.196.540) | (25.985.782.155) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (6.108.323.686) | (6.361.180.218) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 310.144.999 | 115.827.451 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (7.552.905.632) | (18.566.489.322) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 453.559.078.987 | 318.940.140.181 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (108.726.712.401) | (158.577.152.066) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 285.545.454 | 5.861.053.938 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (1.567.465.246) | (264.484.483) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 825.300.000 | 5.171.471.529 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (47.970.000.000) | - |
| Tiền thu lãi, tiền gửi và cổ tức | 27 | | 2.465.156.117 | 2.733.830.210 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (154.688.176.076) | (145.075.280.872) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

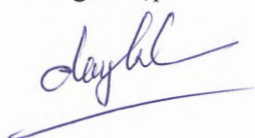
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2019 VND | 2018 VND |
|--|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 2.853.912.357.391 | 2.980.486.017.207 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (3.103.375.011.916) | (3.096.621.548.609) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | | (56.161.728.500) | (44.949.836.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (305.624.383.025) | (161.085.367.402) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (6.753.480.114) | 12.779.491.907 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 22.653.298.944 | 9.877.011.101 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 193.614.548 | (3.204.064) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 4 | 16.093.433.378 | 22.653.298.944 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

| Tên | Thông tin chính |
|---|---|
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| Tên | Thông tin chính |
|---|---|
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty. |
| ▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam | Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2019: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 9.243 nhân viên (1/1/2019: 8.610 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 5 năm |

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị từ 7 năm xuống còn 5 năm để phản ánh hợp lý hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản này. Nếu Tổng Công ty tiếp tục khấu hao các máy móc thiết bị này trong thời gian 7 năm, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và chi phí khấu hao cho kỳ mười hai tháng kết thúc cùng ngày sẽ cùng giảm 26.175 triệu VND.

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 48.483.000 | 162.577.000 |
| Tiền gửi ngân hàng | 16.044.950.378 | 22.490.721.944 |
| | 16.093.433.378 | 22.653.298.944 |

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|--|-------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | 15.283.145.329 | 15.283.145.329 | 14.090.680.083 | 14.090.680.083 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | | | | |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | - | - | 905.000.000 | (*) |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 6,2% đến 7,7% (2018: từ 6,4% đến 7,3%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm 2018 từ 6% đến 6,2% một năm.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Địa chỉ | 31/12/2019 | | | | | 1/1/2019 | | | | |
|--|-----------|-------------------|----------|--------------------|----------------|------------------|-------------------|----------|--------------------|----------------|-----------------|
| | | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư góp vốn vào: | | | | | | | | | | | |
| Công ty con | | | | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ | Đà Nẵng | 266.790 | 76,88% | 76,88% | 2.667.900.000 | - | 266.790 | 76,88% | 76,88% | 2.667.900.000 | (1.989.201.844) |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An | Quảng Nam | 541.800 | 54,18% | 54,18% | 5.418.000.000 | (2.303.967.220) | 541.800 | 54,18% | 54,18% | 5.418.000.000 | (4.261.810.124) |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên | Quảng Nam | 817.300 | 81,73% | 81,73% | 8.173.000.000 | - | 817.300 | 81,73% | 81,73% | 8.173.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình | Quảng Nam | 7.449.000 | 74,49% | 74,49% | 74.490.000.000 | (13.183.461.654) | 2.652.000 | 51,00% | 51,00% | 26.520.000.000 | (2.636.802.891) |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ | Đà Nẵng | - | 100% | 100% | 2.000.000.000 | (103.601.930) | - | 100% | 100% | 2.000.000.000 | (170.191.947) |
| | | | | | 92.748.900.000 | (15.591.030.804) | | | | | |
| Công ty liên kết | | | | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam | Quảng Nam | 642.800 | 32,14% | 32,14% | 6.428.000.000 | - | 642.800 | 32,14% | 32,14% | 6.428.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh | Quảng Nam | 400.000 | 20,00% | 20,00% | 4.000.000.000 | (3.790.455.319) | 400.000 | 20,00% | 20,00% | 4.000.000.000 | (4.000.000.000) |
| | | | | | 10.428.000.000 | (3.790.455.319) | | | | | |
| | | | | | 10.428.000.000 | (4.000.000.000) | | | | | |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Địa chỉ | 31/12/2019 | | | | | 1/1/2019 | | | | |
|---|--------------------|----------------------|-------------|-----------------------|-----------------|------------------|----------------------|-------------|-----------------------|------------------|-----------------|
| | | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đơn vị khác | | | | | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung | Khánh Hòa | 65.000 | 7,12% | 7,12% | 855.702.000 | (99.102.108) | 65.000 | 7,12% | 7,12% | 855.702.000 | (99.102.108) |
| Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà | Quảng Nam | 60.000 | 10,91% | 10,91% | 600.000.000 | - | 60.000 | 10,91% | 10,91% | 600.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | 630.000 | 14,00% | 14,00% | 6.300.000.000 | (6.300.000.000) | 630.000 | 14,00% | 14,00% | 6.300.000.000 | (6.300.000.000) |
| | | | | | 7.755.702.000 | (6.399.102.108) | | | | | |
| | | | | | 110.932.602.000 | (25.780.588.231) | | | | | |
| | | | | | | | 7.755.702.000 | | | (6.399.102.108) | |
| | | | | | | | 62.962.602.000 | | | (19.457.108.914) | |

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Motives (Far East) Limited | 56.398.152.308 | 49.937.802.854 |
| Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya | 20.603.670.118 | 34.599.626.692 |
| Haggar Clothing Co., Ltd | 17.192.915.288 | 12.228.389.708 |
| Kuraray Trading Co., Ltd | 14.279.004.420 | 2.548.150.530 |
| Supreme International LLC | 12.314.022.810 | 24.812.541.214 |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình | 11.483.575.394 | 47.922.242.148 |
| Các khách hàng khác | 66.505.158.786 | 79.863.553.431 |
| | 198.776.499.124 | 251.912.306.577 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 161.000 triệu VND (1/1/2019: 404.524 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 182.883.842 | 146.031.576 |
| Các công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình | 11.483.575.394 | 47.922.242.148 |
| Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ | 133.128.055 | 334.458.025 |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên | - | 3.635.000 |
| | 11.799.587.291 | 48.406.366.749 |

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Kí quỹ, kí cược ngắn hạn | 20.148.452.031 | 1.267.617.638 |
| Tạm ứng | 838.622.071 | 681.623.555 |
| Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên | 20.200.520 | 3.007.885.231 |
| Phải thu khác | 2.591.886.515 | 2.450.664.931 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 23.599.161.137 | 7.407.791.355 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | Thời gian quá hạn | 31/12/2019 | | | Thời gian quá hạn | 1/1/2019 | | |
|--|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------------------|
| | | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt | Từ 1 - 3 năm | 4.833.744.036 | (4.833.744.036) | - | Từ 1 - 3 năm | 4.833.744.036 | (4.833.744.036) | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà | Trên 3 năm | 406.124.753 | (406.124.753) | - | Trên 3 năm | 406.124.753 | (406.124.753) | - |
| | | <u>5.239.868.789</u> | <u>(5.239.868.789)</u> | - | | <u>5.239.868.789</u> | <u>(5.239.868.789)</u> | - |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | |
| Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn | | | <u>(5.239.868.789)</u> | | | <u>(5.239.868.789)</u> | | |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 61.917.550.070 | - | 90.807.780.817 | - |
| Nguyên vật liệu | 131.806.812.804 | - | 191.262.668.960 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 272.269.923 | - | 143.048.027 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 253.102.387.481 | - | 225.659.469.513 | - |
| Thành phẩm | 115.126.808.300 | (476.986.153) | 90.791.545.643 | - |
| Hàng hóa | 3.776.301.534 | - | 291.805.081 | - |
| Hàng gửi đi bán | 16.226.967.128 | - | 119.018.461.426 | - |
| | 582.229.097.240 | (476.986.153) | 717.974.779.467 | - |

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 2.101 triệu VND (1/1/2019: không) hàng thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 265.000 triệu VND (1/1/2019: 193.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 276.397.966.806 | 840.269.107.883 | 51.042.421.705 | 6.694.051.100 | 76.932.169.094 | 1.251.335.716.588 |
| Tăng trong năm | 2.013.433.795 | 16.824.592.770 | 497.877.017 | 168.358.273 | 7.360.279.682 | 26.864.541.537 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 5.697.154.753 | 39.013.870.446 | - | - | 5.500.703.394 | 50.211.728.593 |
| Phân loại lại | - | 12.159.954.866 | (12.159.954.866) | - | - | - |
| Thanh lý | (1.094.011.741) | (2.627.542.235) | (1.513.219.891) | (73.859.091) | (30.447.091) | (5.339.080.049) |
| Giảm khác | (1.723.151.142) | - | - | - | - | (1.723.151.142) |
| Số dư cuối năm | 281.291.392.471 | 905.639.983.730 | 37.867.123.965 | 6.788.550.282 | 89.762.705.079 | 1.321.349.755.527 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 104.611.396.191 | 504.380.352.596 | 26.954.746.061 | 4.615.851.891 | 51.414.945.149 | 691.977.291.888 |
| Khấu hao trong năm | 15.716.852.251 | 114.447.805.281 | 3.359.775.007 | 857.235.497 | 9.071.211.137 | 143.452.879.173 |
| Phân loại lại tài sản | - | 911.996.612 | (911.996.612) | - | - | - |
| Thanh lý | (1.068.852.999) | (2.627.542.235) | (1.513.219.891) | (73.859.091) | (30.447.091) | (5.313.921.307) |
| Giảm khác | (129.236.336) | - | - | - | - | (129.236.336) |
| Số dư cuối năm | 119.130.159.107 | 617.112.612.254 | 27.889.304.565 | 5.399.228.297 | 60.455.709.195 | 829.987.013.418 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 171.786.570.615 | 335.888.755.287 | 24.087.675.644 | 2.078.199.209 | 25.517.223.945 | 559.358.424.700 |
| Số dư cuối năm | 162.161.233.364 | 288.527.371.476 | 9.977.819.400 | 1.389.321.985 | 29.306.995.884 | 491.362.742.109 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 457.925 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 209.479 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 300.147 triệu VND (1/1/2019: 344.715 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính VND |
|-------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 9.406.186.773 |
| Tăng trong năm | 79.695.000 |
| | 9.485.881.773 |
| Số dư cuối năm | |
| | 9.485.881.773 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 7.090.840.627 |
| Khấu hao trong năm | 1.114.244.565 |
| | 8.205.085.192 |
| Số dư cuối năm | |
| | 8.205.085.192 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 2.315.346.146 |
| Số dư cuối năm | 1.280.796.581 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.895 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 3.840 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2019 VND | 2018 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 700.431.824 | 23.345.796.656 |
| Tăng trong năm | 84.085.846.019 | 135.991.575.831 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (50.211.728.593) | (158.636.940.663) |
| | 34.574.549.250 | 700.431.824 |
| Số dư cuối năm | 34.574.549.250 | 700.431.824 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê | 26.342.272.713 | 158.312.727 |
| Lô bộ cọc NOVIBRA HP-S68 của 6 máy sợi con Compact | 4.442.285.100 | - |
| Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty | 2.841.983.614 | - |
| Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn | 600.025.460 | 479.608.685 |
| Khác | 347.982.363 | 62.510.412 |
| | 34.574.549.250 | 700.431.824 |

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|-------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước phí bảo hiểm | 1.273.613.628 | 707.261.644 |
| Công cụ và dụng cụ | 1.933.789.593 | 2.283.109.926 |
| Chi phí trả trước về thuê hoạt động | 588.888.888 | 526.206.093 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 4.332.702.955 | 2.460.851.542 |
| | 8.128.995.064 | 5.977.429.205 |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí trả trước dài hạn khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------|---|---|--------------------------------|
| Số dư đầu năm | 10.863.921.812 | 4.895.896.575 | 15.759.818.387 |
| Tăng trong năm | 10.772.471.998 | 5.702.240.658 | 16.474.712.656 |
| Thanh lý | (7.772.044) | - | (7.772.044) |
| Phân bổ trong năm | (9.222.510.303) | (3.056.845.646) | (12.279.355.949) |
| Số dư cuối năm | 12.406.111.463 | 7.541.291.587 | 19.947.403.050 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|---|------------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | VND | VND |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 34.194.954.604 | 17.843.537.499 |
| Hultafors Group AB | 26.352.941.612 | 10.195.414.891 |
| Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd | 13.285.984.217 | - |
| Kwong Lung Enterprise Co., Ltd | 10.607.188.352 | - |
| Carreman International | 10.270.057.281 | 663.723.147 |
| Công ty Cổ phần may Hoà Thọ - Quảng Nam | 8.603.204.098 | 7.581.742.746 |
| Motives (Far East) Limited | 5.297.293.775 | 7.203.665.452 |
| Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd. | 4.427.898.042 | 7.144.380.502 |
| Kufner Hongkong Limited | 4.111.834.977 | 16.126.370.100 |
| Reliance Industries Limited, textile division | 4.929.653.259 | - |
| Công Ty TNHH TM - SX Bao Bì Hải Vương | 4.565.485.391 | 2.911.012.905 |
| Louis Dreyfus Commodities | - | 10.317.681.150 |
| Paul Reinhart AG | - | 9.339.032.629 |
| RCMA Asia Pte Ltd. | - | 9.318.983.621 |
| Các nhà cung cấp khác | 95.591.233.108 | 126.953.935.313 |
| | 222.237.728.716 | 225.599.479.955 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---|---|-----------------------|
| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 34.194.954.604 | 17.843.537.499 |
| Công ty con | | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ | 530.019.630 | - |
| Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam | 8.603.204.098 | 7.581.742.746 |
| Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam | | |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 3.334.000.925 | 1.997.574.535 |
| Công ty Cổ phần Dệt May Huế | 103.455.000 | - |
| | 46.765.634.257 | 27.422.854.780 |

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2019 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp/bù trừ trong năm VND | 31/12/2019 VND |
|-------------------------------|-----------------|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 5.910.068.018 | 83.184.427.814 | (83.272.824.651) | 5.821.671.181 |
| Thuế nhập khẩu | - | 801.856.041 | (785.693.642) | 16.162.399 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.235.538.145 | 5.477.130.092 | (6.108.323.686) | 1.604.344.551 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 125.244.268 | 3.360.426.904 | (3.352.395.639) | 133.275.533 |
| Tiền thuê đất | - | 3.827.805.904 | (3.827.805.904) | - |
| Các loại thuế khác | - | 578.586.690 | (578.586.690) | - |
| | 8.270.850.431 | 97.230.233.445 | (97.925.630.212) | 7.575.453.664 |

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Chi phí hoạt động | 2.110.528.724 | 1.562.991.104 |
| Chi phí lãi vay | 156.256.046 | 365.754.578 |
| Các khoản trích trước khác | 1.618.509.361 | 1.375.069.324 |
| | 3.885.294.131 | 3.303.815.006 |

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|
| Kinh phí công đoàn | 11.403.989.363 | 9.344.904.621 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 611.475.067 |
| Bảo hiểm y tế | - | 109.476.856 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 169.689.715 | 179.007.118 |
| Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại | 46.573.547 | 80.577.042 |
| Cổ tức phải trả | 794.136.047 | 705.864.547 |
| Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ | 755.485.878 | 768.985.878 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.322.776.752 | 1.662.829.477 |
| | 14.492.651.302 | 13.463.120.606 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND | 31/12/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND |
|-------------------------|--|----------------------------|----------------------------|---|--|
| | | Tăng VND | Giảm VND | | |
| Vay ngắn hạn | 402.464.342.932 | 2.853.912.357.391 | (3.070.457.674.011) | 316.135.621 | 186.235.161.933 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 32.938.235.571 | 34.137.690.384 | (32.917.337.905) | (106.935.856) | 34.051.652.194 |
| | 435.402.578.503 | 2.888.050.047.775 | (3.103.375.011.916) | 209.199.765 | 220.286.814.127 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|-------------------------------|------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|
| Vay ngân hàng 1 (i) | USD | 2,9% - 3% | 70.810.873.842 | 200.255.975.245 |
| Vay ngân hàng 2 (i) | USD | 3,0% | 71.869.050.029 | 79.758.862.641 |
| Vay ngân hàng 3 (ii) | USD | 3,0% | 14.267.114.284 | 65.398.475.187 |
| Vay ngân hàng 4 (i) | USD | 3,0% | 8.747.291.103 | 56.851.029.859 |
| Vay ngân hàng 5 (ii) | USD | 3,00% | 20.360.832.675 | - |
| Vay Ban liên lạc hưu trí (ii) | VND | 10% | 180.000.000 | 200.000.000 |
| | | | 186.235.161.933 | 402.464.342.932 |

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|---------------------------------------|-------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 272.957.679.528 | 306.130.929.441 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (34.051.652.194) | (32.938.235.571) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 238.906.027.334 | 273.192.693.870 |
| | <hr/> | <hr/> |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|--|------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| | | | | VND | VND |
| Vay ngân hàng 1 (i) | USD | 5,0% | 2021 | 21.821.057.092 | 36.399.741.052 |
| Vay ngân hàng 2 (i) | USD | 3,25% - 3,75% | 2020 | 2.548.445.228 | 7.652.515.295 |
| Vay ngân hàng 3 (i) | USD | 5,0% | 2021 | 1.894.006.713 | 3.160.429.537 |
| Vay ngân hàng 4 (i) | USD | 5,0% | 2021 | 2.285.470.415 | 3.659.905.705 |
| Vay ngân hàng 5 (i) | USD | 5,2% - 5,7% | 2022 | 17.630.753.393 | 23.635.337.003 |
| Kuraray Trading Co., Ltd. (ii) | USD | 2,5% | 2021 | 9.291.600.000 | 13.949.400.000 |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii) | USD | LIBOR + 0,7% | 2039 | 217.486.346.687 | 217.673.600.849 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |
| | | | | 272.957.679.528 | 306.130.929.441 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2019 VND | 2018 VND |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 53.823.477.760 | 45.694.840.729 |
| Trích lập trong năm | 23.602.191.144 | 26.894.881.621 |
| Tăng khác | 310.144.999 | 115.827.451 |
| Sử dụng trong năm | (7.552.905.632) | (18.882.072.041) |
| Số dư cuối năm | <u>70.182.908.271</u> | <u>53.823.477.760</u> |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

| | Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------|--|---|--------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 225.000.000.000 | 81.691.135.310 | 85.993.936.689 | 392.685.071.999 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 94.146.211.496 | 94.146.211.496 |
| Phân bổ vào các quỹ | - | 13.289.392.807 | (13.289.392.807) | - |
| Cổ tức (Thuyết minh 23) | - | - | (45.000.000.000) | (45.000.000.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (26.894.881.621) | (26.894.881.621) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 225.000.000.000 | 94.980.528.117 | 94.955.873.757 | 414.936.401.874 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 115.201.185.018 | 115.201.185.018 |
| Phân bổ vào các quỹ | - | 15.103.682.613 | (15.103.682.613) | - |
| Cổ tức (Thuyết minh 23) | - | - | (56.250.000.000) | (56.250.000.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (23.602.191.144) | (23.602.191.144) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 225.000.000.000 | 110.084.210.730 | 115.201.185.018 | 450.285.395.748 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|----------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 22.500.000 | 225.000.000.000 | 22.500.000 | 225.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.500.000 | 225.000.000.000 | 22.500.000 | 225.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.500.000 | 225.000.000.000 | 22.500.000 | 225.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

| | 31/12/2019 và 1/1/2019 | | |
|---------------------------|-------------------------------|-----------------|--------|
| | Đã phát hành và đang lưu hành | | |
| | Số cổ phiếu | VND | % |
| Tập đoàn Dệt May Việt Nam | 14.615.621 | 146.156.210.000 | 64,96% |
| Các cổ đông khác | 7.884.379 | 78.843.790.000 | 35,04% |
| | 22.500.000 | 225.000.000.000 | 100% |

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (2018: 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 22.699.190.756 | 5.165.528.855 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 92.392.595.877 | 38.690.182.762 |
| Sau năm năm | 143.821.017.920 | 66.543.021.899 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 258.912.804.553 | 110.398.733.516 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|-----|-------------------|------------------------|------------------|------------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 44.572 | 1.029.972.167 | 680.672 | 15.753.922.701 |
| EUR | 233 | 6.002.634 | 244 | 6.455.657 |
| | | <hr/> | | <hr/> |
| | | 1.035.974.801 | | 15.760.378.358 |
| | | <hr/> | | <hr/> |

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 69.860.000.000 | 50.205.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2019 | 2018 |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 2.465.156.117 | 2.733.830.210 |
| Cổ tức được chia | 1.799.000.000 | 1.495.600.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 22.069.218.207 | 18.624.290.344 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 491.235.300 | - |
| Chiết khấu thanh toán | 67.734.949 | 67.290.033 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 26.892.344.573 | 22.921.010.587 |
| | <hr/> | <hr/> |

27. Chi phí tài chính

| | 2019 | 2018 |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 24.815.698.008 | 25.458.287.085 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 5.778.862.101 | 14.948.205.589 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 6.783.107.905 |
| Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư | 6.323.479.317 | 86.688.746 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 36.918.039.426 | 47.276.289.325 |
| | <hr/> | <hr/> |

28. Chi phí bán hàng

| | 2019 | 2018 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 4.315.390.067 | 6.007.038.103 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 582.488.009 | 885.074.373 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 264.826.007 | 1.292.857.594 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 54.598.795.347 | 49.197.669.601 |
| Chi phí khác | 12.986.425.714 | 15.855.851.415 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 72.747.925.144 | 73.238.491.086 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2019 | 2018 |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 56.206.378.784 | 54.436.631.238 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.741.636.917 | 1.509.448.529 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.640.113.025 | 8.869.180.008 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.148.441.719 | 3.311.718.674 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 4.665.744.231 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.693.015.696 | 17.464.038.508 |
| Chi phí khác | 19.565.004.756 | 21.146.015.547 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 106.994.590.897 | 111.402.776.735 |
| | <hr/> | <hr/> |

30. Thu nhập khác

| | 2019 | 2018 |
|---------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 260.386.712 | 3.002.909.743 |
| Các khoản thu nhập khác | 1.503.317.079 | 1.523.852.961 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.763.703.791 | 4.526.762.704 |
| | <hr/> | <hr/> |

31. Chi phí khác

| | 2019 | 2018 |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế | 932.635.116 | 1.173.803.251 |
| Các khoản chi phí khác | 909.682.915 | 1.481.341.300 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.842.318.031 | 2.655.144.551 |
| | <hr/> | <hr/> |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2019 | 2018 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 2.162.522.779.554 | 2.274.222.480.090 |
| Chi phí nhân viên | 1.017.023.796.653 | 978.787.148.325 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 144.567.123.738 | 123.875.743.279 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác | 520.296.033.466 | 553.565.982.991 |

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

| | 2019 | 2018 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 5.477.130.092 | 6.158.895.452 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | 7.262.903 |
| | 5.477.130.092 | 6.166.158.355 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2019 | 2018 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 120.678.315.110 | 100.312.369.851 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 12.067.831.511 | 10.031.236.985 |
| Ưu đãi thuế | (5.215.302.607) | (5.375.177.238) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | 421.989.242 | 508.318.108 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 231.385.545 | 803.922.077 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (179.900.000) | (149.560.000) |
| Giảm thuế (*) | (582.151.000) | (232.918.000) |
| Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận | (1.266.722.599) | 573.073.520 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | 7.262.903 |
| | 5.477.130.092 | 6.166.158.355 |

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | 2019 | 2018 |
|---|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam | | |
| Cổ tức công bố và đã trả | 36.539.052.500 | 29.231.242.000 |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 3.170.982.016 | 2.617.684.785 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 39.084.103.694 | 36.463.620.291 |
| Chi phí lãi vay | 8.907.977.164 | 7.832.063.710 |
| Các công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ | | |
| Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 5.297.901.058 | 3.764.168.338 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 3.397.275.983 | 3.191.436.389 |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 391.974.761 | 103.425.804 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 50.092.779.510 | 50.362.524.847 |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 911.943.303 | 860.725.231 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 59.032.629.255 | 66.982.499.659 |
| Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 108.270.906.154 | 63.034.353.669 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 5.290.952.603 | 6.780.138.971 |
| Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 54.722.909 | 89.003.273 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 8.334.548.114 | 7.082.084.455 |
| Các công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam | | |
| Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 91.907.845 | 45.839.405 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 83.166.271.692 | 89.522.866.675 |
| Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ | 1.607.000.000 | 1.285.600.000 |
| Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 752.330.599 | 684.696.718 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 70.817.115.352 | 67.717.024.444 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 2019 | 2018 |
|---|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam | | |
| Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 1.186.842.913 | 9.704.004 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 14.170.000 |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | | |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 23.544.903.819 | 23.527.670.641 |
| Công ty Cổ phần Dệt May Huế | | |
| Bán hàng hóa và dịch vụ | 108.316.280 | - |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 1.342.000.756 | 40.244.000 |
| Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài | | |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 690.415.488 | - |
| Tổng Giám đốc | | |
| Tiền lương và thưởng | 1.616.577.496 | 1.099.141.465 |
| Thành viên khác trong Ban điều hành | | |
| Tiền lương và thưởng | 7.950.903.630 | 5.695.346.499 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | | |
| Thù lao | 1.733.411.823 | 1.405.472.353 |

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

| | 2019 | 2018 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ | 1.799.000.000 | 1.495.600.000 |

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tri
Tổng Giám đốc

